

Bản án số: 42/2019/HS-PT
Ngày 04/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Luông;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thị Đức H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2018/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Đức H, sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Nam; nơi thường trú: Tổ X, khối phố Y, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nơi tạm trú: Ấp X, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967; có chồng là Huỳnh Bá T, sinh năm 1986 (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 01 bị hại do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Đức H là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (sau đây viết tắt là TNHH) P. Chiều ngày 23/01/2018, khi công nhân của công ty tan ca thì H đi vào bên trong nhà vệ sinh tại xưởng 1 ngồi đợi đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì ra khỏi nhà vệ sinh. H quan sát xung quanh không có ai nên đi đến bộ phận kiểm hàng lấy 20 cái áo thun nữ ngắn tay, màu đen rồi bỏ toàn bộ số áo trên vào thùng giấy, đưa đến để tại kho vải của xưởng 1. Sau đó, H quay vào bên trong nhà vệ sinh ngủ cho đến sáng rồi tiếp tục vào làm việc. Đến ngày 30/01/2018, H tiếp tục ở lại bên trong xưởng 1 lấy thêm 15 cái áo cùng loại nêu trên rồi để tại kho vải của xưởng 1 như lần trước. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi bộ phận kiểm kê kiểm tra số lượng hàng chuẩn bị đóng gói xuất xưởng thì phát hiện mất 282 cái áo các loại, trích xuất camera đặt tại xưởng 1 thì phát hiện H lấy trộm sản phẩm của công ty. Sau đó, người đại diện của Công ty TNHH P đến Công an phường U trình báo sự việc. Công an phường U tiến hành làm việc với H và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên Công an phường U xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, H khai nhận: H và Lê Minh T1 (sinh năm 1989; nơi thường trú: Xã T, huyện P, thành phố C; nơi tạm trú: Ấp X, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương) có mối quan hệ quen biết. H làm việc tại bộ phận kiểm tra sản phẩm, T1 làm việc tại bộ phận kho vật tư của Công ty TNHH P.

Sáng ngày 23/01/2018, trong lúc làm việc tại xưởng 1, T1 gặp H nói chuyện. T1 hỏi H “Có muốn kiếm thêm thu nhập không?”, H chưa trả lời thì T1 nói tiếp “Hãy thử ở lại như anh đi”. T1 hướng dẫn H lấy trộm tài sản, sau đó cất giấu vào bên trong thùng giấy rồi đưa đến kho vải của xưởng 1 để vào bên trong. Khi đó, T1 sẽ tự đến lấy đem đi, mỗi cái áo lấy trộm được thì T1 trả cho H số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng. Nghe T1 hướng dẫn, H đồng ý trộm áo của công ty đưa cho T1 lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng cộng, T1 đã trả cho H số tiền 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 80/KLTS-TTHS ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 35 cái thun nữ ngắn tay, màu đen, trên áo có in hình hoa văn, ký hiệu mã hàng WHBH 10-9078, có giá là 9.552.900 (chín triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm) đồng.

Đối với hành vi của Lê Minh T1: Kết quả điều tra xác định hiện nay T1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2018/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đức H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2018, bị cáo H có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội nhiều lần, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo không giam giữ để có điều kiện nuôi con, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/01/2018 và ngày 30/01/2018, tại Công ty TNHH P thuộc khu phố M, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Thị Đức H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 35 cái thun nữ ngắn tay, ký hiệu mã hàng WHBH 10-9078 của Công ty TNHH P, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.552.900 (chín triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm) đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo đã bồi thường đủ thiệt hại cho bị hại là Công ty TNHH P, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là chưa đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là nghiêm khắc, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là chưa phù hợp.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Trong vụ án, Công ty TNHH P là tổ chức bị thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra, do đó Công ty TNHH P là bị hại trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH P là nguyên đơn dân sự là chưa đúng quy định của pháp luật.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Đức H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2018/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đức H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương nhận được bản án đã có hiệu lực pháp luật và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Thị Đức H cho Ủy ban nhân xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Thị Đức H.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị Đức H không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã T;	2
- VKSND thị xã T;	1
- Chi cục THADS thị xã T;	1
- CQCSĐT CA thị xã T;	1
- UBND xã H;	1
- Bị cáo;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn